

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2013

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT,
THẨM ĐỊNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VÀ CÔNG TÁC KIỂM TRA,
KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013**

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều 31 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí & Xây lắp công nghiệp (IMECO), Ban kiểm soát (BKS) báo cáo kết quả hoạt động của BKS, nội dung kết quả thẩm định tình hình tài chính và công tác kiểm tra kiểm soát của Ban kiểm soát năm 2012 với các nội dung sau:

I. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BKS TRONG NIÊN ĐỘ 2012:

Trong năm 2012, Ban kiểm soát tiến hành các hoạt động sau:

- Ban kiểm soát thay đổi phương thức làm việc bằng báo cáo công tác hàng tháng của BKS trên cơ sở báo cáo của từng thành viên.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị với Ban Điều hành.
- Thực hiện việc phân tích báo cáo tài chính hàng quý của IMECO gửi HĐQT và Ban Điều hành.
- Trên cơ sở các báo cáo hàng tháng của Ban KS và tại các cuộc họp của HĐQT, ban KS có những kiến nghị, đánh giá cho các hoạt động, việc thực hiện các Nghị quyết HĐQT của ban Điều hành và góp ý trực tiếp với các ý kiến độc lập đối với HĐQT.

II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012:

Báo cáo tài chính của IMECO trong năm tài khóa 2012 đã được chính thức đăng tải trên Website của Công ty và đã được kiểm toán bởi công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN). Số liệu chi tiết đầy đủ xin vui lòng tham khảo báo cáo tài chính gửi kèm tài liệu họp Đại hội cổ đông. Các chỉ tiêu chủ yếu của bản báo cáo như sau:

1. Báo cáo tài chính tóm tắt (đã được kiểm toán):

TÀI SẢN	Mã số	31/12/2012	01/01/2012
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	7.607.267.204	88.628.795.711
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	26.486.089.894	19.693.497.908
1. Tiền	111	11.486.089.894	8.693.497.908
2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	11.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	20.840.059.732	27.945.042.546
1. Phải thu của khách hàng	131	20.619.808.703	25.862.116.435
2. Trả trước cho người bán	132	46.805.000	1.210.426.111
3. Các khoản phải thu khác	135	173.446.029	872.500.000
IV. Hàng tồn kho	140	28.265.326.709	36.257.575.978
1. Hàng tồn kho	141	28.265.326.709	36.257.575.978
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	2.015.790.869	4.732.679.279

1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	392.540.932	291.620.337
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	1.432.199.736	4.182.641.626
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	-	167.410.100
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	191.050.201	91.007.216
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	14.447.651.185	15.068.062.459
II. Tài sản cố định	220	14.350.734.518	15.068.062.459
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13.962.590.645	14.960.378.362
- Nguyên giá	222	60.151.517.065	56.498.562.919
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(46.188.926.420)	(41.538.184.557)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	53.353.264	107.684.097
- Nguyên giá	228	627.248.500	627.248.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(573.895.236)	(519.564.403)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	334.790.609	-
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	96.916.667	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	96.916.667	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	92.054.918.389	103.696.858.170
NGUỒN VỐN	Mã số		
A . NỢ PHẢI TRẢ	300	46.684.899.773	60.617.791.314
I. Nợ ngắn hạn	310	39.782.464.390	51.092.523.758
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	-	-
2. Phải trả cho người bán	312	4.589.140.919	9.266.983.611
3. Người mua trả tiền trước	313	16.216.946.579	3.954.260.403
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.622.302.911	3.114.777.177
5. Phải trả người lao động	315	12.039.792.895	12.391.907.178
6. Chi phí phải trả	316	-	11.180.000
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318	-	18.264.511.758
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	2.642.978.101	2.100.118.517
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	2.671.302.985	1.988.785.114
II. Nợ dài hạn	330	6.902.435.383	9.525.267.556
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	546.040.896
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	6.755.126.645	8.979.226.660
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	147.308.738	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	45.370.018.616	43.079.066.856
I. Vốn chủ sở hữu	410	45.370.018.616	43.079.066.856
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	35.999.480.000	35.999.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-

5. Quỹ đầu tư phát triển	417	6.323.182.021	5.348.152.706
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	2.074.948.807	1.587.434.150
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	144.000.000
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420	972.407.788	-
II. Nguồn kinh phí	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	92.054.918.389	103.696.858.170

2. Kết quả hoạt động kinh doanh (đã được kiểm toán):

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	165.554.932.913	148.844.818.693
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25.035.100	163.636.364
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	165.529.897.813	148.681.182.329
4. Giá vốn hàng bán	11	142.256.381.908	120.401.340.833
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	23.273.515.905	28.279.841.496
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.039.308.880	2.239.564.003
7. Chi phí tài chính	22	-	143.511.902
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	-	(30.679.280)
8. Chi phí bán hàng	24	7.190.354.758	8.292.198.354
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	14.090.200.750	12.688.701.372
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	3.032.269.277	9.394.993.871
11. Thu nhập khác	31	9.698.394.708	2.841.080.614
12. Chi phí khác	32	410.477.466	436.511.381
13. Lợi nhuận khác	40	9.287.917.242	2.404.569.233
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	12.320.186.519	11.799.563.104
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.526.227.488	2.950.178.276
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	9.793.959.031	8.849.384.828
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.721	2.458

3. Đánh giá tình hình hoạt động tài chính năm 2012:

- Ban kiểm soát xác nhận việc lập các báo cáo tài chính hàng tháng như: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, thu nhập, chi phí, v.v... đầy đủ, đúng thời gian, đảm bảo tính chính xác, trung thực và hợp lệ. Sổ sách chứng từ kế toán về cơ bản được lập, ghi chép và lưu trữ đầy đủ phù hợp với quy định của pháp luật và hệ thống các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Xác nhận số liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của IMECO theo báo cáo của Tổng giám đốc Công ty phản ánh trung thực và hợp lý trên các nội dung chủ yếu và đã được kiểm toán công nhận.
- Trong năm 2012, Ban kiểm soát không phát hiện bất cứ hoạt động bất thường nào trong hoạt động tài chính của IMECO.
- Việc sử dụng tiền nhàn rỗi gửi kỳ hạn tại Ngân hàng là đúng luật và làm tăng thêm nguồn thu nhập cho Công ty.

4. Phân tích các chỉ số tài chính của Ban kiểm soát trên cơ sở Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Chỉ tiêu	ĐVT	NĂM 2012	NĂM 2011
I. Chỉ tiêu về thanh khoản			
Khả năng thanh toán nhanh (tức thời)	Lần	1,18	1,45
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,95	2,70
II. Chỉ tiêu về hoạt động			
Vòng quay vốn lưu động/năm	Vòng	1,96	2,01
Vòng quay HTK/năm	Vòng	4,40	4,07
Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	6,76	8,28
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	53,9	67,11
Doanh thu thuần/TTS bình quân	lần	1,69	1,63
Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần	%	11,33%	14,29%
Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản	%	-11,23%	31,13%
III. Chỉ tiêu cân nợ			
Tổng nợ phải trả/ T Tài sản	lần	0,50	0,58
Nợ dài hạn /VCSH	lần	0,15	0,65
IV. Chỉ tiêu thu nhập			
Lợi nhuận sau thuế/DT thuần	%	5,91%	5,95%
Hiệu quả sử dụng vốn (ROE) (LNST/Vốn CSH)	%	21,59%	20,54%
Hiệu quả sử dụng tài sản (ROA) (LNST/TTS)	%	10,64%	8,53%

Nhận xét của BKS:

- Năm 2012 công ty đạt 100,32% kế hoạch doanh thu (Doanh thu thuần thực hiện là 165, 529 tỷ đồng và doanh thu kế hoạch là 165 tỷ đồng), đạt 123% kế hoạch lợi nhuận năm trước thuế (Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện là 12,32 tỷ đồng và tổng lợi nhuận trước thuế kế hoạch là 10 tỷ đồng), và đạt 130% kế hoạch lợi nhuận năm sau thuế (tổng lợi nhuận sau thuế thực hiện là 9,79 tỷ đồng và tổng lợi nhuận sau thuế kế hoạch là 7,5 tỷ đồng).
- Các chỉ số tài chính chủ yếu biến động không nhiều và tình hình tài chính lành mạnh, có nguồn tiền thặng dư khá lớn (26,5 tỷ đồng); các chỉ số tài chính trên số liệu phân tích có phần cải thiện hơn so với năm 2011.
- Chỉ tiêu thu nhập vẫn duy trì được tương ứng như 2011.
- So với cùng kỳ năm 2011, tổng tài sản có sự sụt giảm đáng kể chỉ còn 88,77% trong đó chủ yếu lượng tiền mặt tăng 34,49%. Các khoản phải thu và hàng tồn kho giảm khoảng 23,51%, cho thấy Công ty thu tiền của khách hàng tốt hơn năm 2011 nên phải thu khách hàng giảm so với năm trước là 20,27% và hàng tồn kho giảm chủ yếu ở khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giảm so với năm trước là 54,67% thể hiện tình hình tiêu thụ tốt hơn.
- Trong năm 2012 việc thu tiền từ hoạt động kinh doanh vẫn là chính yếu, lần ất các hoạt động khác và có nguồn tiền dồi dào (tốt hơn so với 2011) để gởi tiết kiệm và không chịu áp lực của lãi vay.
- Trong năm 2012 vốn chủ sở hữu của IMECO tăng 5,3% so với năm 2011 chủ yếu tăng ở quỹ đầu tư phát triển.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2012 VÀ CÁC KIẾN NGHỊ:

1. Công tác kiểm tra, giám sát:

- Ban kiểm soát kiểm tra số liệu báo cáo tài chính hàng quý, năm theo quy định. Nội dung kiểm tra như kiểm tra đối chiếu số liệu chứng từ, hoạt động tài chính có tuân thủ các quy định theo Quy chế tài chính.
- Ban kiểm soát đã giám sát việc ra Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua tư cách quan sát viên, tham gia các cuộc họp với HĐQT và Ban Điều hành
- Giám sát và theo dõi tình hình Ban điều hành triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT; đưa ra các kiến nghị phù hợp thông qua các cuộc họp với HĐQT và Ban điều hành.
- Ban kiểm soát ghi nhận kết quả triển khai thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 đã đạt được:
 - (1) Hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu, lợi nhuận mà ĐHĐCĐ đề ra.
 - (2) Hoàn thành kế hoạch chia cổ tức 15% cho năm 2012
 - (3) Ban Điều hành đã thực hiện hoàn tất triển khai áp dụng Quy chế điều hành, Quy định về phân cấp quản lý trong công ty.
 - (4) Trong năm đã ban hành Quy chế mua hàng, Quy chế tuyển dụng và đào tạo của Công ty và đang hoàn chỉnh xây dựng quy chế phân phối thu nhập (quy chế tiền lương).
- Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2012 có chiều hướng tốt hơn do các thành viên ban kiểm soát được tạo điều kiện tốt hơn để tham gia các cuộc họp qua đó giám sát việc điều hành của Công ty, các thành viên ban KS theo trách nhiệm phân công đã có báo cáo và bám sát được nhiệm vụ đã phân công của từng thành viên, mặc dù chưa đáp ứng được yêu cầu về chiều sâu và thời gian như mong đợi.

2. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với HĐQT và Ban Điều hành:

Để cho hoạt động của Công ty ngày càng phát triển và hoạt động của ban kiểm soát hiệu quả. Ban kiểm soát kiến nghị:

- Việc ban hành các quy định và triển khai thực hiện còn chậm, đề nghị HĐQT và ban Điều hành phối hợp để ban hành sớm các quy chế, quy định để phục vụ cho việc quản lý như Quy chế tiền lương. Mặc dù vậy Ban KS ghi nhận rằng có một sự nỗ lực làm việc rất lớn của HĐQT và Ban Điều hành để có được kết quả rất đáng trân trọng trong năm vừa qua.
- Cần chú trọng hơn trong công tác đầu tư đặc biệt là đầu tư công nghệ, một mặt làm tăng tài sản, mặt khác làm tăng giá trị gia tăng hàng hoá, chất lượng sản phẩm và đồng thời tăng thế mạnh cạnh tranh của công ty.
- Công ty nên cần có đề án cụ thể triển khai các hoạt động marketing; định hướng chiến lược sản phẩm và phát triển sản phẩm, xem xét cải tổ hệ thống chi phí để có thể tăng doanh thu và lợi nhuận.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Huỳnh Phước Năng